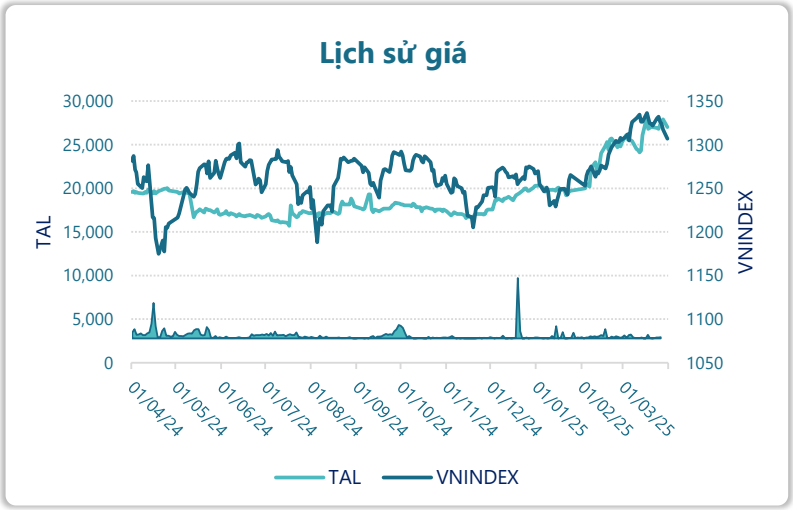
FireAnt

CTCP Đầu tư Bất động sản Taseco (UPCOM: TAL)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**27,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,695
SL cổ phiếu LH	311,850,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	227,985
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,420
P/E	12.6
EPS	2,151

DT thuần

Q1/25

376

tỷ VNĐ

QoQ: ▼59.0| -13.6%

YoY: ▲ 67.0| 21.6%

LN sau thuế

Q1/25

22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼454| -95.3%

YoY: ▲ 12.1| 119%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

62.2%

+/- YoY: ▲ 40.5%

DT thuần

2024

1,684

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,554| -48.0%

LN sau thuế

2024

685

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 212| 44.9%

ROE

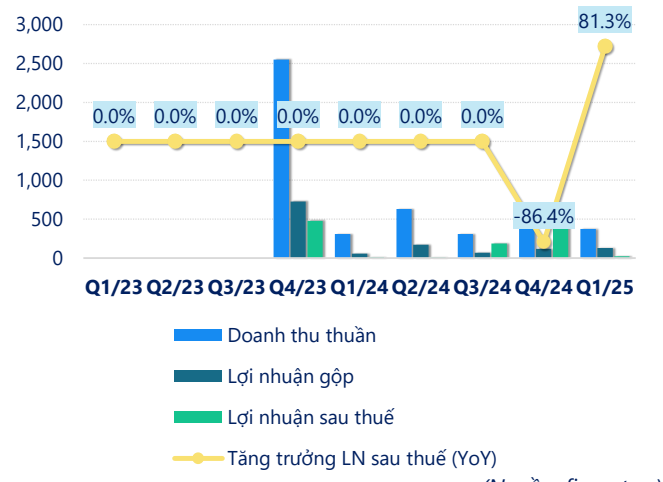
2024

16.2%

+/- YoY: ▲ 4.4%

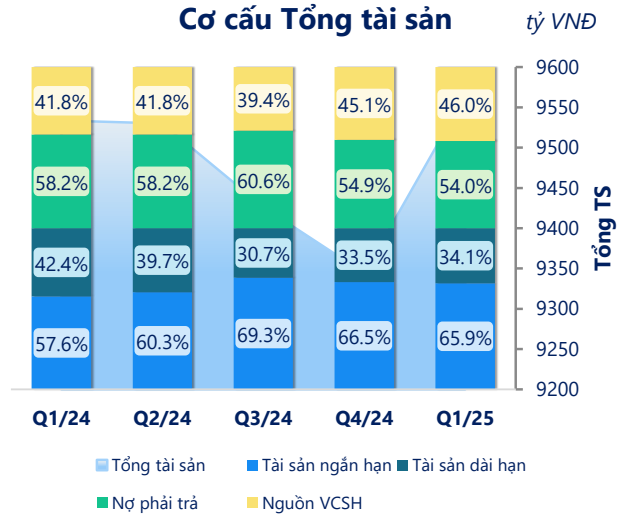
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



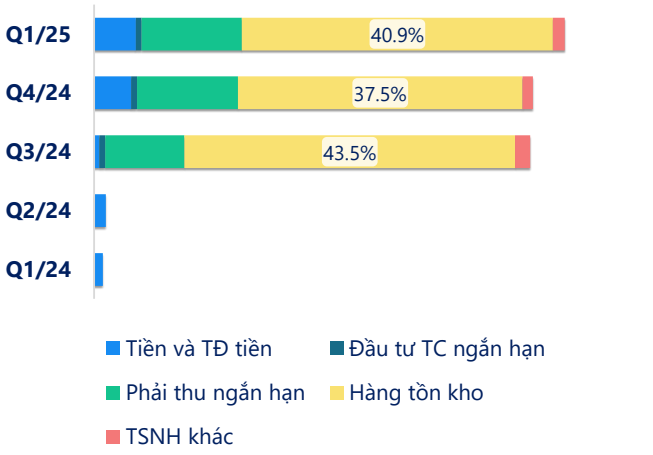
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



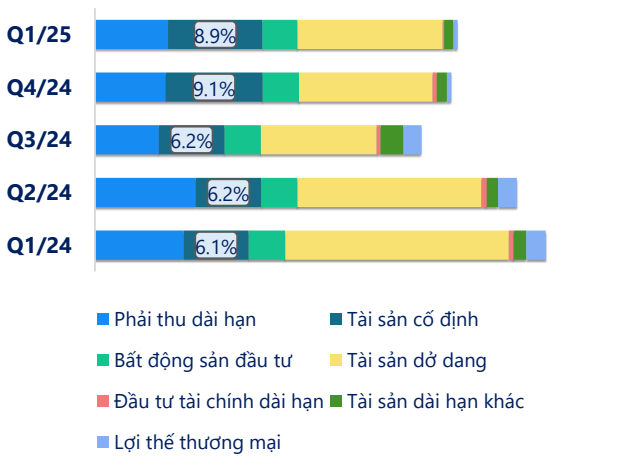
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



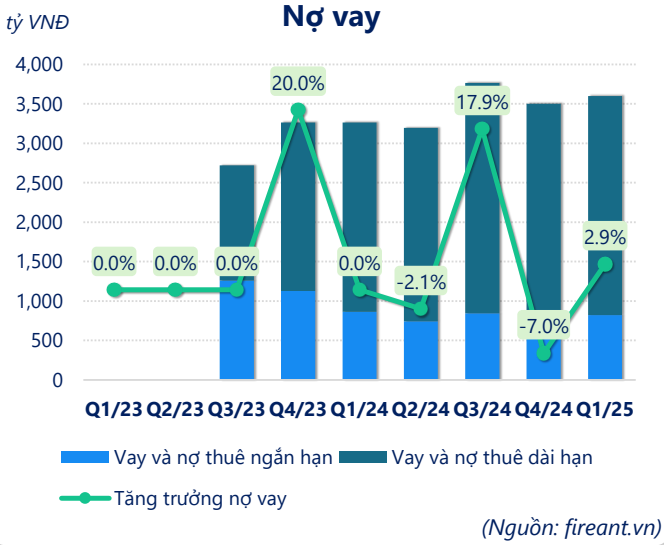
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



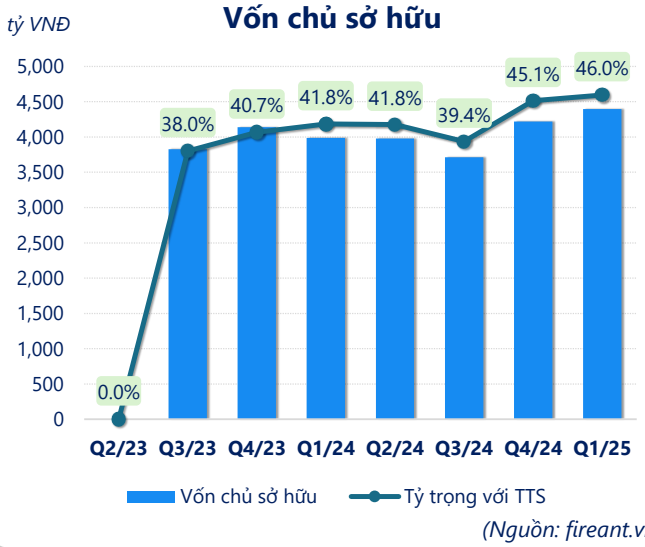
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



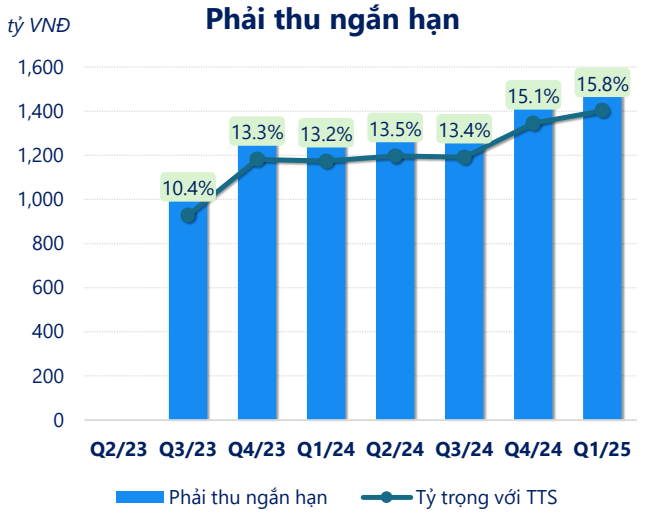
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



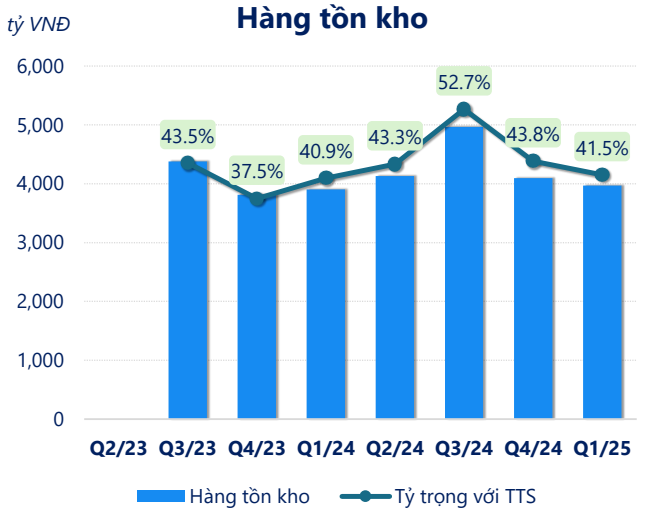
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



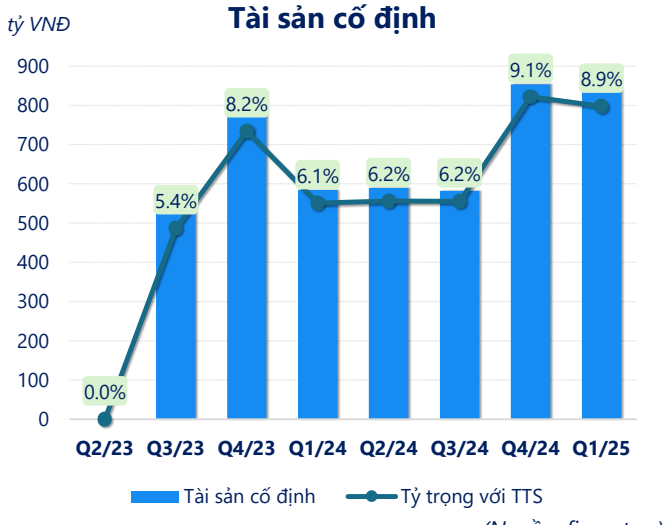
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



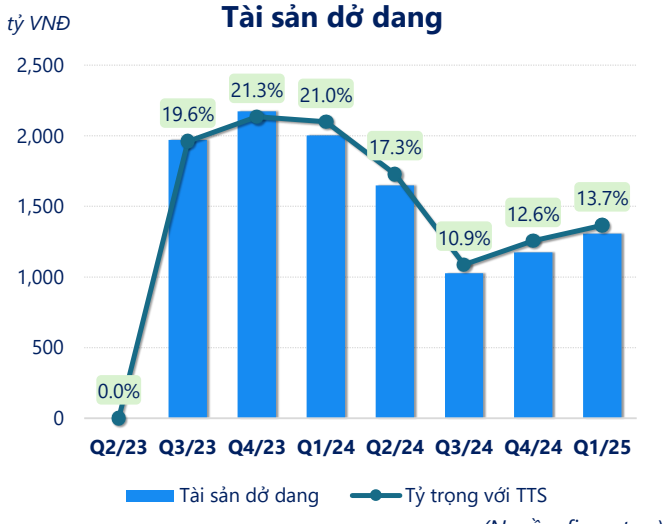
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



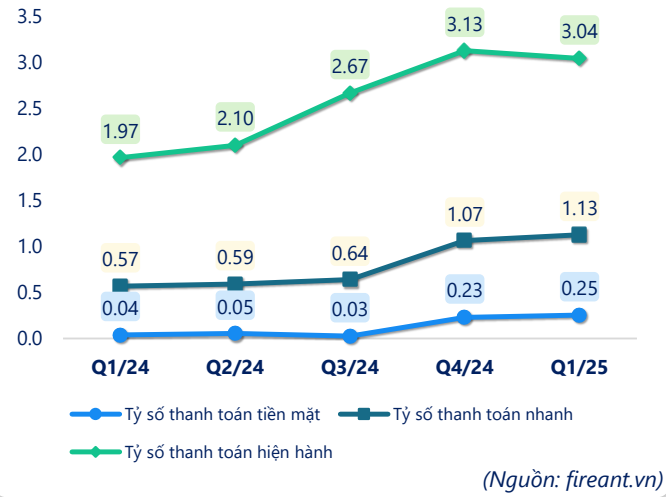
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



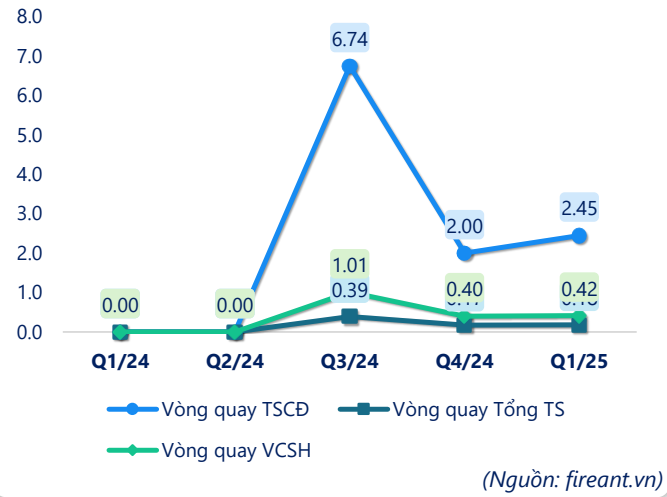
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**9,533**	**9,530**	**9,426**	**9,344**	**9,565**
Tài sản ngắn hạn	**5,493**	**5,750**	**6,531**	**6,213**	**6,302**
Tiền và tương đương tiền	111	146	63.8	456	526
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.8	61.8	117	117	153
Phải thu ngắn hạn	1,259	1,284	1,264	1,414	1,509
Hàng tồn kho	3,903	4,129	4,964	4,097	3,968
Tài sản ngắn hạn khác	148	129	122	129	145
Tài sản dài hạn	**4,041**	**3,780**	**2,895**	**3,131**	**3,263**
Phải thu dài hạn	795	901	566	620	658
Tài sản cố định	584	589	582	854	847
Bất động sản đầu tư	328	325	322	319	316
Tài sản dở dang	2,001	1,648	1,026	1,174	1,307
Đầu tư tài chính dài hạn	45.0	48.4	36.4	36.5	13.3
Tài sản dài hạn khác	112	102	201	88.8	82.9
Lợi thế thương mại	175	167	162	39.7	38.2
Nợ phải trả	**5,545**	**5,550**	**5,715**	**5,127**	**5,170**
Nợ ngắn hạn	**2,795**	**2,738**	**2,447**	**1,986**	**2,070**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	863	745	847	767	821
Phải trả người bán ngắn hạn	430	391	376	408	372
Nợ dài hạn	2,750	2,812	3,268	3,141	3,100
Vay và nợ thuê dài hạn	2,400	2,449	2,918	2,733	2,778
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,989**	**3,980**	**3,711**	**4,217**	**4,395**
Vốn chủ sở hữu	**3,989**	**3,980**	**3,711**	**4,217**	**4,395**
Vốn điều lệ	2,970	2,970	2,970	2,970	3,119
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)